

Nhìn Lại Tiền Sử Việt

Sách sử Việt Nam thường chép từ thời thượng cổ dựa trên truyền thuyết, thần thoại, cổ sử Trung Hoa, và nhất là phần Hồng Bàng kỷ trong Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp viết vào khoảng thế kỷ XIV ?

Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử ký Ngoại kỷ Toàn thư ghi lại: "Nhâm Tuất, năm thứ 17. Xưa cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua Kinh Dương Vương. Vua là bậc thánh trí thông minh, Đế Minh rất yêu quý, muốn cho nối ngôi. Vua cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi là con nối ngôi, cai quản phương Bắc, phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ".

Thời tiền sử trước thời thượng cổ chỉ có những nhóm người sống thành bộ lạc, không có quốc gia hay tổ chức, huyền thoại, lịch sử thành văn...và chỉ được biết đến qua các di tích khảo cổ, hay nghiên cứu của di truyền học, nhân chủng học, văn hóa...

Ngày nay với sự tiến bộ của các ngành khảo cổ, di truyền học, sinh học, nhân chủng học...các nhà nghiên cứu đã tìm ra sự hiện diện của người cổ trên đất nước ta trước thời đại Thần Nông (3220 -3080 TCN).

Ngành di truyền học, nghiên cứu nguồn gốc cư dân cổ đại dựa trên hệ gen của con người đi tủa ra khắp nơi trên thế giới. Giáo sư Yves Coppens thuộc viện Collège de France đã tìm ra di cốt gần nguyên vẹn của bà Lucy ở Ethiopie năm 1974 đã khẳng định là loài người là hậu duệ của một nhánh khỉ. Loài người xuất hiện khoảng 3 hay 4 triệu năm trước trong khi loài primates (người khỉ) đã có từ 10 triệu năm trước. Loài primates này dần dần hóa thành người tối cổ (Homo erectus) xuất hiện cách đây 4 triệu năm còn để lại dấu tích trên khắp thế giới và tại Việt Nam. Người tối cổ tiến hoá thành người khôn ngoan (Homo habilis), rồi người hiện đại (Homo sapiens). Các nhà nghiên cứu đã xác định rằng tổ tiên của tất cả mọi người tối cổ có nguồn gốc chung do sự tiến hóa của người vượn australopithecé xuất xứ từ thung lũng Riff ở đông Phi châu.

Những năm cuối thế kỷ XX, các nghiên cứu ADN theo di truyền học cho biết Người hiện đại Homo sapiens xuất hiện ở Châu Phi 200.000 năm trước. Khoảng 170000 năm trước đây, người Homo Sapiens đã ra khỏi Phi châu (Out of Africa), nhưng đến khoảng 90000 năm trước thì bị diệt, lý do không rõ, nhưng có thể là vì khí hậu của vùng Trung Đông không hợp cho họ. Đợt thứ hai rời Phi châu ra đi 80000 năm trước (The Journey of Man) di cư men theo bờ biển Nam Á.

Đến khoảng 45000 năm trước, hậu duệ của người di cư này đến được vùng lục địa Đông Nam Á cổ xưa và định cư ở miền gọi là Sundaland (vùng đất nối liền Đông nam Á với Indonésie). Các tộc người thượng cổ Đông Nam Á định cư lâu dài trên lục địa này trong khoảng hơn 20000 năm, dân số tăng lên thành một đại chủng Australoid, họ đã sáng tạo dụng cụ đá mới đầu tiên, phát khởi nông nghiệp, trồng các loại lúa nước, chăn nuôi gia súc... Vào cuối thời kỳ Băng hà (Pliocène), khoảng 15000 – 18000 năm trước, lục địa Sundaland cao hơn mặt biển. Khi kỳ Băng hà kết thúc, băng giá tan, nước biển dâng cao "biển tiến" - phủ ngập Sundaland và các vùng thềm lục địa khắp miền Đông Á (S. Oppenheimer-Eden in the East). Nhiều người thượng cổ di cư từ thềm lục địa Sundaland lên các vùng đất cao hơn ở trong lục địa Đông Nam Á và Đông Á để tránh nạn biển tiến hoặc di tản ra các đảo Polynesie.

Khoảng 20000-15000 năm TCN: người tiền sử đã di cư từ Đông nam Á, dọc theo bờ biển đi lên phía Bắc, đến định cư ở các vùng châu thổ của các sông Mạ, sông Cả, sông Hồng, sông Châu giang trung hoa, Dương tử, Hoài thủy, Lạc thủy, Nam Hoàng Hà và đã tạo ra các

Văn hóa Hòa Bình : Hang Xóm Trại, Mường Vang cổ, thuộc địa phận Xóm Trại xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Hang được phát hiện năm 1974-75 sau đó đã được thăm dò khai quật 4 lần (1981 đến 2004) và lối đi cổ được tìm ra năm 2008.

Sau đó các nhà khảo cổ đã tìm được các nền văn hóa Việt như: Văn hóa Sơn Vi , Soi Nhụ, Bắc Sơn... Bên Trung Hoa các nền văn hóa cổ được phát hiện như: Văn hóa vùng châu thổ Việt giang (Tây giang-Châu giang), vùng châu thổ sông Trường giang (Dương tử giang), vùng châu thổ Hoài thủy - Lạc thủy - Nam Hoàng hà, Giả Hồ (Jiahu), trong vùng thượng lưu sông Hoài, phía Nam của Lạc thủy và Hoàng hà, khai quật được vào năm 1962, cho thấy người thượng cổ Giả Hồ đã biết trồng lúa nước, sống có phong tục: trồng tiểu mễ và lúa trong vùng châu thổ các sông Hoài và Lạc thủy , mộ táng có lễ vật mai táng, từ đồ gốm cho đến mai rùa, yếm rùa có khắc ký hiệu, ...

Năm 1971, nhóm W.G. Solheim II nghiên cứu những di tích khảo cổ giúp chứng minh là người thượng cổ đã từ phương Nam (Văn Hóa Hòa Bình) đi lên phương Bắc, định cư và phát sinh nền văn hóa Ngưỡng Thiều (Yangshao) (khoảng 7000 năm TCN).

Năm 1953, di chỉ khảo cổ Bản Pha được phát hiện ở vùng thượng nguồn của Lạc Thủy (phía nam Hoàng hà), được xem là giai đoạn đặc biệt tượng trưng của nền văn hóa Yangshao (Ngưỡng Thiều). Nhiều nghiên cứu đã cho là văn hóa Lungshan (Long sơn) và văn hóa Ngưỡng Thiều đều bắt nguồn từ gốc văn hóa Hòa Bình ở miền bắc Đông Nam Á rồi sau di chuyển lên phía Bắc.

Các phiến đá khắc hình chữ của người Việt cổ được tìm được năm 2011 ở Cẩm Tang (Quảng Tây) là chứng tích "chữ viết cổ" của nền văn minh Đông Á thượng cổ đã có trước khi tộc người Mongoloid phương Bắc đến xâm lấn vùng cư trú của người Đông Á thượng cổ (khoảng 2700 năm TCN). Thời Kinh Dương Vương bắt đầu vào năm 2879 TCN.

Năm 2698 TCN, dân du mục Mông Cổ do họ Hiên Viên cầm đầu đến chiếm đất của người các bộ tộc Bách Việt thượng cổ ở Nam Hoàng Hà, lập thành quốc gia ,lấy Giao Chỉ làm biên giới phía Tây Nam của đất Hoàng Đế. Do sống chung người Việt phương Nam hợp chủng với người Mông Cổ phương Bắc, tạo ra người Mông-Việt, gọi là Hoa Hạ. Người Hoa Hạ dần thay tổ tiên Mông Cổ cầm quyền. Vào khoảng 100 năm sau, toàn thể người Hoa Hạ biến thành người Việt. Các triều đại từ Nghiêu, Thuần, Vũ tới Thương, Chu đều là người Việt và phần lớn không có quan hệ máu huyết với Hoàng Đế. Nhưng tất cả cư dân đều nhận là Hoa Hạ của kẻ lãnh đạo.

Đến thời Pháp thuộc, nhiều nhà khảo cổ người Pháp đem khoa học khảo cổ sang Việt Nam để khảo sát nguồn gốc dân tộc ta bằng hiện chứng của cổ vật bị chôn vùi dưới đất hay trong các hang động như mảnh gốm, xương người, sọ người, xương thú, vũ khí cổ, tro than, dụng cụ bằng đá, bằng đồng, trống đồng...

Vào cuối thế kỷ XIX người Pháp lập ra trường Viễn Đông bác cổ để nghiên cứu về môn tiền sử Việt Nam theo phương pháp khoa học nghĩa là đào xuống đất để tìm ra di tích cụ thể và kết quả. Cuộc khai quật khảo cổ đầu tiên trên đất nước ta ở hang Thẩm Khoách, mà người Pháp gọi là Phố Bình Gia, Lạc Sơn năm 1906,

Theo những nghiên cứu đăng trên tập san BEFEO của trường Viễn Đông bác cổ thì người ta có thể xếp hạng những đợt văn minh tiền sử ở Việt Nam

Theo nghiên cứu 2019 về bộ gen thì người Việt đã di cư từ châu Phi từ 200.000 năm trước, khoảng 40.000- 60.000 năm trước đã đến Việt Nam, sau đó họ tiếp tục di cư lên miền Đông Á, các nhà khảo cổ học đã tìm được nhiều dấu vết của người tối cổ phù hợp với thời kỳ đồ đá cũ. Trong các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (thuộc xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia, tỉnh Lạc Sơn), các nhà khảo cổ học đã phát hiện thấy một số răng hoá thạch người vượn cùng với xương động vật thuộc thời kì Pliocène .

Sự tiến hóa này tương ứng với các thời kỳ của các nhà sử học thường sử dụng hệ thống ba giai đoạn nối tiếp nhau: đồ Đá, đồ Đồng và đồ Sắt mà tên gọi theo sự phát triển trong chế tạo các vật dụng.

Thời đồ đá cũ: con người đã sinh sống từ hàng trăm ngàn năm trước ở lãnh thổ Việt Nam với các di tích của nền văn hóa Sơn Vi. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy những dấu tích về sự có mặt của con người tiền sử tại các hang động, núi đá như hang Thẩm Hoi, Thẩm Khuyên ở Lạng Sơn, núi Đọ ở Thanh Hóa. Họ sống bằng săn bắt và hái lượm trong môi trường tự nhiên.

Thời đồ đá mới: cách đây 15.000-18.000 năm, người Việt cổ đã chuyển sang sống định cư, biết trồng lúa nước và chế tác công cụ lao động từ đá., tiêu biểu với nền văn hóa Hòa Bình và Bắc Sơn với nền văn minh nông nghiệp.

Thời đồ đồng-đá: khoảng 3500-4000 TCN, tiêu biểu với nền văn hóa Phùng Nguyên. Thời kỳ này, người Việt đã biết khai thác và đúc những đồ đồng thô sơ từ các mỏ đồng tự nhiên. Đây là bước tiến quan trọng trong lịch sử kỹ thuật của người Việt cổ.

Thời đồ đồng: cách đây khoảng 3000 năm trước, tiêu biểu với nền văn hóa Đông Đậu, văn hóa Gò Mun. Người Việt đã đúc được những đồ đồng tinh xảo và mỹ thuật hơn. Họ cũng đã biết kỹ thuật đánh bóng và trang trí hoa văn trên đồ đồng. Khoảng cuối thời đại đồ đồng (thế kỷ thứ II TCN), phát triển với văn hóa Đông Sơn, họ Hồng Bàng (2879 -208 TCN) đã lập ra nước Văn Lang có vua là Hùng Vương.

Thời đồ sắt: khoảng 1200 TCN, tiêu biểu với nền văn hóa Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo. Vào khoảng 1200 TCN, nền văn hóa Đông Sơn ra đời ở khu vực sông Mã và đồng bằng sông Hồng, đánh dấu thời phát triển nghệ thuật đúc đồng của tộc Việt, họ đã đúc ra những chiếc trống đồng Đông Sơn chạm trổ tinh vi nổi tiếng khắp toàn cầu. Các nhà khảo cổ cũng tìm thấy nhiều di vật khác như vũ khí, dụng cụ, đồ trang sức làm bằng đồng thể hiện trình độ kỹ thuật cao của thời kỳ này.

Thần Nông (3220 -3080 TCN), thường được gọi Viêm Đế. Thần Nông là một vị thần huyền thoại, một trong Tam Hoàng là Toại Nhân, Phục Hy, Thần Nông (Thượng thư đại truyện) hay Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế (Cổ Vi Thư) . Theo truyền thuyết thì ông là thủ lĩnh của bộ lạc Khương thời cổ đại. Một số bộ lạc này cư trú ở lưu vực Khương Thủy, Mễ Đới Sinh ,Tùy Châu, tỉnh Hồ Bắc ngày nay. Đầu tiên cư trú ở huyện Trần, về sau định cư ở Khúc Phụ (Sơn Đông).

Đại Việt sử ký toàn thư xem Thần Nông là Thủy tổ của người Việt, cai quản vùng đất gồm cả sông Dương Tử lẫn một phần sông Hoàng Hà và kéo dài xuống phía Nam tới khu vực mà nay là đồng bằng sông Hồng của Việt Nam.

Thần Nông là con của Thiếu Đế, là anh em của Hoàng Đế, họ đều là tổ tiên của văn hóa dân tộc Hoa Hạ và đã phát triển nghề nông.

Viêm Đế Thần Nông, được cả người Việt và người Hoa Hạ nhận là Tổ của mình. Người Hoa Hạ còn giữ được những ghi chép lịch sử từ rất sớm về Thần Nông trong việc nhìn nhận về nguồn gốc của vị vua này, trong khi người Việt chỉ lưu giữ ký ức về Thần Nông trong nguồn văn hóa dân gian, chỉ được ghi chép vào thời nhà Trần trong sách Lĩnh Nam chích quái.

Sử ký, Tư Mã Thiên, phần Ngũ Đế bản ký chép: “Hoàng Đế là con cháu của Thiếu Đế, họ Công Tôn, tên là Hiên Viên... Vào thời Hiên Viên, họ Thần Nông suy yếu, chư hầu xâm chiếm lẫn nhau, bạo ngược trăm họ, vậy mà họ Thần Nông không thể chinh phạt được...chư hầu đều quy thuận Hiên Viên...Xi Vưu dấy loạn, không theo lệnh vua. Vậy là Hoàng Đế liền đem quân chư hầu, đánh Xi Vưu ở Trác Lộc, giết được Xi Vưu. Chư hầu đều tôn Hiên Viên làm Hoàng Đế, thay họ Thần Nông.

Các nghiên cứu di truyền đã xác định khá rõ ràng về nguồn gốc từ người Khương trong vùng Cam Túc-Thanh Hải của người Hoa Hạ. Họ xâm chiếm đồng bằng sông Hoàng Hà vào khoảng 5000-6000 năm trước. Nguồn gốc này phù hợp với các ghi chép của người Việt, thì họ Thần Nông thời Đế Nghi và các vua kế tiếp cai quản vùng này, về sau có cuộc chiến tranh giữa Đế Du, cháu 6 đời của họ Thần Nông và Hoàng Đế, tộc Khương. Đế Du thua trận và họ Thần Nông bèn mất.

Dân tộc của Hoàng Đế tiến vào vùng đồng bằng sông Hoàng Hà đã cai trị và đồng hóa dân cư bản địa đông hơn để trở thành tộc người Hoa Hạ, và họ tự nhận mình là con cháu của Viêm-Hoàng.

Theo sử Tàu thì Thần Nông làm vua được 8 đời mới bị Hiên Viên diệt. Người Tàu đã cướp nhặt Thần Nông từ chủng tộc Bách Việt để tạo ra huyền thoại của họ.

Theo Trần Đại Sỹ đã cho biết: “Xét triều đại Thần Nông, khởi từ năm 3118 trước Tây lịch, đến đây (Đế Minh) thì chia làm hai: Thần Nông Bắc gồm có: Đế Nghi (2889-2884 TCN); Đế Lai (?2843-2794 TCN); Đế Ly (2795-2751 TCN); Đế Du Võng (2752-2696 TCN). Sau đó triều đại Thần Nông Bắc bị Hoàng Đế diệt năm 2697 TCN. Triều Đại Thần Nông Nam thì Lộc Tục lên làm vua năm 2879 TCN hiệu là Kinh Dương

Các sử gia Trung Quốc lấy thời đại Hoàng Đế làm kỷ nguyên. Trong Sử Ký, Tư Mã Thiên khởi chép quyển một là Ngũ Đế Bản Kỷ, coi Hoàng Đế là quốc tổ Trung Quốc.

Theo các ghi chép của Tư Mã Trinh và Lý Phưởng đã cho thấy nguồn gốc của Thần Nông là ở núi Liệt Sơn, đây là một địa điểm cách phía Bắc thành phố Tuy Châu, tỉnh Hồ Bắc 40km. Tại đây cũng là nơi có đền thờ Viêm Đế Thần Nông và rất nhiều di tích liên quan tới Thần Nông. Trên núi Liệt Sơn, trong động Thần Nông vốn có bàn đá, ghế đá, bát đá và giường đá, theo truyền thuyết là đồ vật mà Thần Nông dùng. Núi Liệt Sơn còn có kiến trúc cổ như giếng Thần Nông, nhà Thần Nông, gác Thần Nông. Phía bắc thị trấn Lệ Sơn có một tấm bia “Viêm Đế Thần Nông thị”, còn giữ được đến ngày nay.

Việc đi tìm thời tiền sử tộc Việt là việc vô cùng khó khăn vì không có ghi chép thành văn tự mà chỉ dựa đoán theo các khoa học thời tiền sử tộc của các di vật và chỉ xác định được vùng đất, chủng loại, thời sinh sống, văn hóa ... mà không khẳng định được thời điểm của các tộc người đến cư trú trên vùng đất đó, thời gian sinh sống, và tộc người chính xác đã để lại di tích cổ. Các ngành khoa học hiện đại cho biết một ý niệm phỏng đoán của thời tiền sử theo kết quả của các phương pháp nghiên cứu vì thiếu tính chính xác của văn tự.

Tuy nhiên nhìn lại thời tiền sử, ta có thể khẳng định được rằng:

- Chủng tộc người Việt và Hán tộc là hai tộc khác nhau.
- Nguồn gốc của dân tộc Việt có từ rất lâu đời, chứ không phải chỉ có 4000 năm lịch sử. Các di tích khảo cổ và di truyền học đã xác nhận việc này.
- Người Việt có nguồn gốc từ Phi Châu theo sự tiến hoá của loài người di cư từ hàng triệu năm trước. Thời đại Thần Nông, tộc Việt đã cai quản toàn cõi Trung quốc và sinh sống bằng nông nghiệp.
- Người Tàu nuôi mộng Hán hóa dân Lạc Việt như các tộc Bách Việt nên đã không chép rõ về dòng tộc Thần Nông và Hồng Bàng thị, có thể là vì họ xem tộc Thần Nông là nguy hiểm đã bị Hoàng đế đánh bại.

Nguyễn Hoạt-tổng hợp 2024

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 12000 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC